

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS - ST
Ngày: 31/3/2023.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Lom.

2. Ông Trương Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2022/TLST - DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Đinh Quang V - Sinh năm: 1974; địa chỉ: A đường B, phường C, quận NK, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Võ Ngọc K - Sinh năm: 1977; địa chỉ thường trú: số A đường B, phường C, quận BT, thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện nay: đường số I, khu dân cư U, phường PT, quận CR, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Ông Trần Ngọc Đ - Sinh năm: 1970; địa chỉ thường trú: đường CMT 8, phường BHN, quận BT, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: đường HL, khu dân cư HQ ấp ML, xã MH, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

* **Bị đơn:** Anh Trần Văn M - Sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp HA, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/10/2021, anh Đinh Quang V cho anh Trần Văn M vay số tiền 1.300.000.000đồng. Có làm hợp đồng vay tiền đề ngày 29/10/2022, thời hạn vay là từ ngày 15/10/2021 đến ngày 15/7/2022. Các bên thỏa thuận phương thức trả nợ là ngày 16/01/2022 trả 600.000.000đồng, chậm nhất ngày 15/7/2022 trả 700.000.000đồng. Lãi trong hợp đồng không có ghi nhưng các bên thỏa thuận bằng một hợp đồng khác là 1,5%/tháng.

Do anh M không trả nợ đúng hạn nên ngày 03/9/2022, anh M làm biên nhận với nội dung thừa nhận còn nợ 1.300.000.000đồng nợ gốc và hẹn ngày 15/9/2022 trả 600.000.000đồng và ngày 30/9/2022 trả 700.000.000đồng, ngày 8/9/2022 trả 30.000.000đồng lãi còn nợ trước ngày 03/9/2022, đối với số tiền 1.300.000.000đồng sẽ tiếp tục trả lãi 38.000.000đồng/tháng, trả lãi hàng tháng.

Nay anh Đinh Quang V yêu cầu anh Trần Văn M trả lại số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đồng và lãi trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 15/10/2021 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2023) là 417.454.000đồng. Tổng cộng là 1.717.454.000đồng.

Từ khi vay tiền thì anh M chỉ trả cho anh V được 189.000.000đồng tiền lãi. Số tiền nợ gốc và lãi còn lại anh V yêu cầu là 1.528.454.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử

vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Anh Đinh Quang V yêu cầu anh Trần Văn M trả số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đồng và số tiền lãi trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 15/10/2021 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2023) là 417.454.000đồng. Tổng cộng là 1.717.454.000đồng.

Do anh M có trả được 189.000.000đồng tiền lãi (chuyển khoản Ngân hàng trong nhiều lần). Do vậy, số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu là 1.528.454.000đồng.

Đề chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn có nộp cho Tòa án Hợp đồng vay tiền đề ngày 29/10/2021 có chứng thực của Văn phòng Công chứng, Hợp đồng vay tiền không đề ngày, Giấy xác nhận nợ ngày 03/9/2022 (đánh máy) và Giấy xác nhận nợ ngày 03/9/2022 (viết tay). Các văn bản này do anh Trần Văn M ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Tại Thông báo giao nộp chứng cứ số: 110/TB - TA ngày 17 tháng 11 năm 2022 Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh mình không có nợ hoặc nợ nguyên đơn ít hơn số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đồng nhưng bị đơn không chứng minh được.

Từ đó cho thấy, việc bị đơn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.300.000.000đồng là có xảy ra.

[2.1] *Đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi là 1,5%/tháng từ khi cho vay (ngày 15/10/2021) và lãi trên nợ gốc quá hạn đến ngày xét xử vụ án (31/3/2023) với tổng số tiền là 417.454.000đồng. Hội đồng xét thấy, 02 Hợp đồng vay tiền mà nguyên đơn cung cấp đều ghi rõ việc giao nhận tiền do các bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật, tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận không có làm biên bản giao nhận tiền. Từ đó không chứng minh được thời điểm giao tiền, số tiền giao nên không có căn cứ tính lãi, lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 15/10/2021 như yêu cầu của nguyên đơn

Tuy nhiên, đến ngày 03/9/2022 bị đơn có làm giấy xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 1.300.000.000đồng (hẹn ngày 15/9/2022 trả 600.000.000đồng và ngày 30/9/2022 trả 700.000.000đồng) và 30.000.000đồng tiền lãi còn nợ trước đó sẽ trả vào ngày 08/9/2022. Nội dung giấy xác nhận không thể hiện lãi suất của khoảng vay nhưng có ghi “*Còn lãi suất 38 triệu hàng tháng tôi thỏa thuận với anh Vinh trả*

hàng tháng”. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cho rằng sau khi bị đơn viết giấy xác nhận nợ thì nguyên đơn cũng đồng ý.

Từ đó cho thấy, tính đến ngày 03/9/2022, bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền lãi là 30.000.000đồng. Đối với các khoản lãi khác đã thanh toán xong và các bên đồng ý trường hợp bị đơn không trả được nợ trong tháng 9/2022 thì phải chịu lãi hàng tháng với số tiền chậm trả theo lãi suất 38.000.000đồng/tháng (2,92%/tháng = 35,04%/năm). Xét thấy, đây là sự thống nhất của các bên tại thời điểm này nên ghi nhận để làm căn cứ tính lãi là phù hợp.

Tuy nhiên, lãi suất 2,92%/tháng là cao và vượt quy định của pháp luật dân sự nên cần điều chỉnh và chỉ chấp nhận mức lãi là 20%/năm = 1,67%/tháng. Tính đến thời điểm xét xử là gần 7 tháng với số tiền lãi là 151.970.000đồng, cùng với 30.000.000đồng lãi nợ trước đó thì tổng cộng tiền lãi là 181.970.000đồng.

Căn cứ bản “*Chi tiết giao dịch khách hàng*” mà nguyên đơn cung cấp thì sau ngày 03/9/2022 bị đơn có chuyển khoản Ngân hàng cho nguyên đơn tổng số tiền 15.000.000đồng. Do vậy, tổng số tiền lãi bị đơn còn nợ nguyên đơn là 166.970.000đồng.

Do vậy, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi là 1.466.970.000đồng là phù hợp.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự.

Các điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Trần Văn M phải trả lại cho anh Đinh Quang V số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 166.970.000đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng). Tổng cộng là 1.466.970.000đồng (một tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên

thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Quang V đối với số tiền chênh lệch là 61.484.000đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp 56.009.000đồng (năm mươi sáu triệu không trăm lẻ chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn phải nộp 3.074.000đồng (ba triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) tiền án phí đối với số tiền không được chấp nhận nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 29.375.000đồng (hai mươi chín triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008511 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chênh lệch sau khi khấu trừ là 26.301.000đồng (hai mươi sáu triệu ba trăm lẻ một ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);
- Lưu hsva, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Dương Ngọc Tú